TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:191/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2021.
V/v: " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nho Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Thư.

+ Ông Nguyễn Tấn Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2021, về "*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà L.T.N, sinh năm: 1980, địa chỉ: Thôn T.K, xã X2, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
- **Bị đơn**: Ông P.D.Tr, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn T.K, xã X2, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà L.T.N trình bày:

Bà L.T.N và ông P.D.Tr tự nguyện tìm hiểu đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X 2, huyện N vào năm 2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông

P.D.Tr rất nóng tính, đánh đập, chửi bới vợ con. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, bà L.T.N làm đơn ly hôn ông P.D.Tr.

- Về con chung: Có bốn con chung gồm P.L.H.X, sinh năm 2002; P.L.H.L, sinh ngày 19/9/2008; P.L.T.N, sinh ngày: 27/11/2010; P.L.H.H, sinh ngày: 28/4/2017. Nếu ly hôn bà L.T.N yêu cầu được nuôi cháu P.L.T.N và cháu P.L.H.H, cháu P.L.H.X đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao cháu P.L.H.L cho ông P.D.Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông P.D.Tr trình bày:

Về thời điểm và điều kiện kết hôn ông P.D.Tr thống nhất như bà L.T.N trình bày. Tuy L.T.N vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Do vậy. ông P.D.Tr không đồng ý ly hôn với bà L.T.N.

Về con chung: Có bốn con chung như bà L.T.N trình bày. Cháu P.L.H.X đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P.D.Tr yêu cầu được nuôi cả ba cháu còn lại và không yêu cầu bà L.T.N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà L.T.N làm đơn khởi kiện ly hôn đối với ông P.D.Tr, địa chỉ tại: thôn T.K, xã X2, huyện N, tỉnh Quảng Nam nên là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L.T.N và ông P.D.Tr tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã X2, huyện N nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3]. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L.T.N là do tính tình không hợp, tình cảm giữa bà và ông P.D.Tr đã hết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ, tạo điều kiện cho các bên khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, mâu thuẫn gia đình giữa bà L.T.N và ông P.D.Tr không thể khắc phục, bà L.T.N vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét tình trạng vợ chồng giữa bà L.T.N và ông P.D.Tr trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.T.N về việc ly hôn với ông P.D.Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: có ba cháu P.L.H.L, sinh ngày 19/9/2008; P.L.T.N, sinh ngày: 27/11/2010; P.L.H.H, sinh ngày: 28/4/2017. Bà L.T.N yêu cầu nuôi hai cháu P.L.T.N và P.L.H.H, giao cháu P.L.H.L cho ông P.D.Tr nuôi dưỡng. Ông P.D.Tr yêu cầu nuôi cả ba cháu, không yêu cầu bà L.T.N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Cháu P.L.T.N và P.L.H.L đã trên bảy tuổi, được quyền trình bày nguyện vọng của mình về việc ở với ai. Cháu P.L.T.N có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu P.L.H.L có nguyện vọng ở với cha. Việc trình bày của các cháu là tự nguyện, có sự chứng kiến của cả hai bên cha mẹ. Cháu P.L.H.H tuổi còn nhỏ, bà L.T.N có yêu cầu được nuôi. Cả bà L.T.N và ông P.D.Tr đều có đủ điều kiện và được quyền trực tiếp nuôi dạy các con. Do vậy, xét giao cháu P.L.T.N và P.L.H.H cho bà L.T.N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu P.L.H.L cho ông P.D.Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L.T.N và ông P.D.Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L.T.N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L.T.N về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông P.D.Tr.

Về quan hệ hôn nhân: bà L.T.N được ly hôn với ông P.D.Tr.

Về con chung: Giao P.L.T.N, sinh ngày: 27/11/2010; P.L.H.H, sinh ngày: 28/4/2017 cho bà L.T.N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao P.L.H.L, sinh ngày 19/9/2008 cho ông P.D.Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu P.L.H.L đủ 18 tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L.T.N phải chịu 300.000 đồng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L.T.N đã nộp theo biên lai thu số 0003197 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã X 2;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Nho Hoàng